

Số: 28 /BC-MNHT

Hải Thành, ngày 24 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Về công tác công khai tại thời điểm tháng 01.2025

Trường mầm non Hải Thành thực hiện nhiệm vụ năm 2024(Kỳ 1 năm học 2024 -2025) và nhà trường đã đạt được kết quả như sau:

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	46			29	8	2	7		34	01	35			
I	Giáo viên	32			27	6			32	0	32				
1	Nhà trẻ	7			7	0			7	0	7				
2	Mẫu giáo	25			19	6			25	0	25				
II	Cán bộ quản lý	3			3				2	1	3				
1	Hiệu trưởng	1			1					1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2		2				
III	Nhân viên	11			1	1	2	7							
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác (LC+BV)	3					3								
6	Nhân viên NÃ	7				1	2	4							

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số phòng	15	Số m2/trẻ em

II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3813 m ²	8,2
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	697 m ²	1,5
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	786,8 m ²	1,69
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	669,6 m ²	1,44
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	140 m ²	0,3
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	390,6 m ²	0,84
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	52 m ²	0,11
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	52 m ²	0,11
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	84,8 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	15 loại	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	- Máy vi tính: 17 chiếc	01 máy tính/lớp
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	17	01
2	Máy photo	01	Hồng
3	Máy chiếu	01	Hồng
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)	
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
			Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	19	15

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			
---	-------------------------	--	--	--

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 -2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	476			61	109	134	172
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	476			61	109	134	172
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	476			61	109	134	172
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	476			61	109	134	172
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	476			61	109	134	172
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	402			39	98	127	138
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3			0	1	0	2
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	402			39	98	127	138
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0			0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	70			22	10	7	31
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của Bộ giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	61			61			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	415				109	134	172

III. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước 2024	5.898.104.600đ	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	5.958.585.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	5.958.585.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	3.601.280.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	2.357.305.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm	12.000.000	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	5.946.585.000	
	- Kinh phí quyết toán	5.946.585.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận	0	
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc	0	
1.1	Ngân sách chi không thường xuyên	950.185.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	950.185.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	0	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	950.185.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm	710.500	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	949.474.500	
	- Kinh phí quyết toán	949.474.500	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận	0	
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc	0	
2	Học phí		
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.2	Mức thu: 203.000đ/tháng		
2.3	Tổng số thu trong năm	800.177.320	
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	800.177.320	
2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	800.177.320	
2.6	Số chi trong năm	800.177.320	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	800.177.320	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	0	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	
	- Chi khác	0	
2.7	Số chi cuối năm	0	

2.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo)	203.000d/tháng	
3	Chăm sóc trẻ ngày thứ 7		
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
3.2	Mức thu: 50.000d/buổi		
3.3	Tổng số thu trong năm	406.250.000	
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	406.250.000	
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	406.250.000	
3.6	Số chi trong năm	389.042.826	100%
	Trong đó: - Chi giáo viên, nhân viên	304.649.912	79%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	51.466.600	13%
	- Chi phúc lợi	23.808.114	6%
	- Chi nộp thuế	9.118.200	2%
	- Chi khác:.....	0	0
3.7	Số dư cuối năm	17.207.174	0
4	Quản lý trẻ ngoài giờ		
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	322.574	
4.2	Mức thu: 270.000d/tháng		
4.3	Tổng số thu trong năm	953.977.500	
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	954.300.074	
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	953.977.500	
4.6	Số chi trong năm	908.149.486	100%
	Trong đó: - Chi giáo viên	714.923.000	79%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	121.024.400	13%
	- Chi phúc lợi	63.018.136	7%
	- Chi nộp thuế	9.183.950	1%
	- Chi khác:.....	0	0
4.7	Số dư cuối năm	46.150.588	
5	Hỗ trợ nhân viên nấu ăn		
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.2	Mức thu: 120.000d/tháng		
5.3	Tổng số thu trong năm	423.990.000	
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	423.990.000	
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	423.990.000	
5.6	Số chi trong năm	415.973.300	100%
	Trong đó: - Chi hỗ trợ lương, bảo hiểm cho nhân viên nấu ăn	364.516.700	88%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	40.629.300	10%

DƯ
 TRU
 LẤ
 H
 19

	- Chi phúc lợi	10.827.300	2%
	- Chi nộp thuế	0	
	- Chi khác:.....	0	
2.3.7	Số dư cuối năm	8.016.700	
6	Làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo		
6.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
6.2	Mức thu: 240.000d/tháng		
6.3	Tổng số thu trong năm	232.200.000	
6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	232.200.000	
6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	232.200.000	
6.6	Số chi trong năm	216.042.400	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	184.290.400	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	7.938.000	
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	7.938.000	
	- Chi nộp thuế	0	
	- Chi khác: chi lương cho giáo viên hỗ trợ giảng, phí chuyên lương	15.876.000	
6.7	Số dư cuối năm	0	
7	Tiền ăn + chất đốt		
7.1	Số học sinh	471	
7.2	Mức thu: 24.000d/ngày		
7.3	Tổng thu	2.193.120.000	
7.4	Đã chi	2.193.030.080	
7.5	Dư	89.920	
8	Trang thiết bị bán trú		
8.1	Số học sinh	471	
8.2	Mức thu: HS mới: 360.000/năm, HS cũ: 200.000/năm		
8.3	Tổng thu	110.300.000	
8.4	Đã chi	70.237.000	
8.5	Dư	40.784.000	
9	Hỗ trợ tiền điện		
9.1	Số học sinh	471	
9.2	Mức thu: T9-T12: 50.000/tháng		
9.3	Tổng thu	84.425.000	
9.4	Đã chi	84.425.000	
9.5	Dư	0	
10	Học phẩm		
10.1	Số học sinh	403	
10.2	Mức thu: T6-8: 20.000/tháng		
10.3	Tổng thu	19.121.200	

10.4	Đã chi	19.121.200	
10.5	Dư	0	
11	Trang thiết bị, vệ sinh, hỗ trợ điện điều hòa hè		
11.1	Số học sinh	403	
11.2	Mức thu: T6-8: 80.000/tháng		
11.3	Tổng thu	84.993.800	
11.4	Đã chi	84.993.800	
11.5	Dư	0	
12	Hoạt động hè năm 2024		
12.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
12.2	Mức thu: 800.000đ/tháng		
12.3	Tổng số thu trong năm	762.584.000	
12.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	762.584.000	
12.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ ngân hàng	762.584.000	
12.6	Số chi trong năm	762.584.000	100%
	Trong đó: - Chi giáo viên, nhân viên	647.886.200	85%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0	0
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	99.086.420	13%
	- Chi phúc lợi	359.700	0%
	- Chi tiền điện	0	
	- Chi nộp thuế	15.251.680	2%
	- Chi khác	0	
12.7	Số dư cuối năm	0	

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Tiếp tục xây dựng trang website của trường và hướng dẫn cán bộ giáo viên, nhân viên sử dụng trang website của trường một cách có hiệu quả.
- 100% giáo viên biết ứng dụng và sử dụng CNTT có hiệu quả trong giảng dạy.
- Thực hiện tốt việc sử dụng internet phục vụ cho việc quản lý nhân sự và CSGD trẻ.
- 100% cán bộ giáo viên trong trường biết sử dụng máy vi tính, soạn bài và soạn thảo các văn bản trên máy vi tính.
- Sử dụng tốt phần mềm quản lý: chăm sóc nuôi dưỡng, kế toán, phổ cập giáo dục, quản lý nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành, thi đua khen thưởng, quản lý văn bản.
- 100% phụ huynh thanh toán các khoản tiền không dùng tiền mặt, thanh toán trực tuyến qua ứng dụng Sisap phụ huynh.
- Khuyến khích những giáo viên có tay nghề sử dụng CNTT thành thạo và xây dựng kho học liệu điện tử của trường.

- Nhà trường đã đôn đốc cán bộ giáo viên hoàn thành đúng tiến độ việc đồng bộ thông tin giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên. Kết quả đã đồng bộ và định danh được 43 cán bộ giáo viên và nhân viên và 50% học sinh.

2. Công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; việc chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

a) Việc thực hiện công tác kiểm tra nội bộ

Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra theo đúng thời gian quy định và kế hoạch đã xây dựng đạt kết quả tốt.

+ Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên: thường xuyên, đột xuất:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ: Dự giờ thăm lớp dự giờ kết quả đạt:

- Kiểm tra nội bộ 18/35 đồng chí đạt tỷ lệ 51%, kết quả: 13 tốt, 05 khá.

- Kiểm tra, dự giờ thường xuyên, đột xuất: 174 h/đ, Kết quả: 150 tốt; 24 khá

- Kiểm tra theo chuyên đề: 06 chuyên đề -> Kết quả: 04 tốt, 02 khá.

- Tổ chức “Thi đua giáo viên tham gia tiết dạy tốt chào mừng 20/11, nhân viên nấu ăn giỏi cấp trường” có 35/35 đồng chí tham gia đạt tỷ lệ 100%, kết quả: 32 tốt; 03 khá.

Công tác kiểm tra chuyên đề

Trường đã tự kiểm tra được các chuyên đề: Công tác tài chính; Chất lượng giáo dục của trẻ qua các lĩnh vực; Quản lý công tác thu chi ngoài ngân sách, dạy thêm thứ 7, thêm giờ; Công tác nội vụ, lớp đảm bảo an toàn. Kết quả: đạt khá, tốt.

b) Việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân; tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn; giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

+ Trong năm học nhà trường không nhận được đơn thư khiếu nại. Số lượt tiếp công dân: 0 cuộc

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai trong nhà trường, triển khai các văn bản chỉ đạo của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành, quản lý của các cơ quan liên quan đến giáo dục.

Nhà trường phổ biến giáo dục về an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại, bắt cóc trẻ em, Bảo vệ môi trường, Cách phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực gia đình... bằng nhiều hình thức như phổ biến, tập huấn cho giáo viên, dạy trẻ kỹ năng thoát hiểm, kỹ năng tham gia giao thông, cách cài đội mũ bảo hiểm, cách phòng vệ khi người khác bắt

cóc, xâm hại thân thể, cách bảo vệ môi trường... qua các giờ học, các giờ chơi, qua zalo, facebook, trang web của trường...tuyên truyền tới phụ huynh về phòng chống bạo lực gia đình qua các bức tranh, các bài tuyên truyền trên bảng tin, các khẩu hiệu trong khuôn viên trường, tuyên truyền không được sử dụng pháo nổ trong dịp Tết Nguyên đán Ất Ty.

4. Công tác sáng kiến, thi đua, khen thưởng

Trường tổ chức bình xét thi đua kỳ 1 năm học 2024 -2025 có 43 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thưởng theo Nghị định 73: Trường xây dựng quy chế thưởng và năm 2024 có 36 đồng chí viên chức(thưởng 05 đ.c mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 31 đồng chí được thưởng mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chú trọng phát triển Đảng: Trong năm học 01 đ.c được kết nạp vào Đảng, 01 đồng chí đã hoàn thiện hồ sơ để được kết nạp vào Đảng.

Trên đây là các nội dung công khai năm 2024 tại thời điểm tháng 01/2025, Trường Mầm non Hải Thành trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận :

- PGD&ĐT (B/c);
- CBGVNV;
- Lưu: VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG


Vũ Thị Huân

